

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hoàng Hoa

Ông Châu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Thành Khánh Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Hiệp, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đăng Năm, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn D cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22-11-2005. Sau khi cưới hai người sống hạnh phúc đến cuối năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, đã nhiều lần cho anh D cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, hai người ly thân từ cuối năm 2005 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng đã cố gắng khắc phục nhưng không thành nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy Du sinh ngày 20-8-2006, hiện cháu Du đang sống với chị, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Tuấn D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tâm, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy Du sinh ngày 20-8-2006, hiện cháu Du đang sống với chị, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Du cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Tuấn D tranh chấp về việc ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Anh Nguyễn Tuấn D không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Tuấn D là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước, huyện

Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22-11-2005. Sau khi cưới hai người sống hạnh phúc đến cuối năm 2005 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người ly thân từ cuối năm 2005 đến nay không hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy, khi chị T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng anh D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, các lần hòa giải và tại phiên tòa anh D vắng mặt không có lý do. Điều đó đã cho thấy anh D không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh chị. Hiện tại, hai người đã sống ly thân nhau nên tình cảm và đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; anh D không có ý kiến, không tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Thùy Du sinh ngày 20-8-2006, hiện cháu Du đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Để ổn định cuộc sống, cũng như các điều kiện chăm lo đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần cho cháu Du phát triển đầy đủ, xét cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về nợ chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thanh T. Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn D.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026420 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương